

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN MỸ XUYÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**

*Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST*

*Ngày: 26/03/2024.*

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HNGĐ, ngày 6 tháng 12 năm 2023 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐ-ST, ngày 7/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26/2/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** - Bà Lý Thị Vành T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** - Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- ***Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023 nguyên đơn bà Lý Thị Vành T trình bày:*** Vào năm 2011 ông M và bà T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Nguyễn Minh M. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 20/8/2012 hiện đang sống với ông M. Nay về con chung bà T thống nhất

đề ông M nuôi cháu D, bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh M thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

\* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà T được ly hôn với ông M. Về con chung giao cho ông M được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 20/8/2012 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Bà T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:** Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T và ông M theo quy định pháp luật.

#### **Về nội dung:**

##### **[1] Về hôn nhân:**

Bà Lý Thị Vành T và ông Nguyễn Minh M tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã T huyện M tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông M và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông M và bà T đã có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 20/8/2012 hiện hai cháu đang sống chung với ông M. Nay về con chung bà T có ý kiến là thống nhất để con chung sống với ông M bà T sẽ đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho ông M mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay cháu D đang sống với ông M, bà T cũng thống nhất để cháu D tiếp tục sống với ông M vì vậy cần tiếp tục để cháu D được tiếp tục sống với ông M và giao cháu D cho ông M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Bà T thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho ông M mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét thấy việc bà T thống nhất đóng góp cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi chung nêu trên.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Vành T.

- *Về hôn nhân*: Bà Lý Thị Vành T được ly hôn với ông Nguyễn Minh M.

- *Về con chung*: Ông M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 20/8/2012 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho bà T không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị Vành T về việc thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Minh M mỗi tháng là 1.500.000đ /tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

- Về tài sản chung: Không có.  
- Về nợ chung: Không có  
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000121, ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, như vậy bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Phòng GDKT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**